

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG YANG
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2019

“V/v Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG YANG, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Nam Trung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Như Kiên** và ông **Ayun**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Hải** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang tham gia phiên tòa:
Ông **Đỗ Đình Lộc** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2019/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2019, về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Sacombank

Địa chỉ trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Dương Thị Thùy Dung**

Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – chi nhánh Gia Lai

Địa chỉ: 38 Nguyễn Thiện Thuật, phường Diên Hồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn Kh - Sinh năm: 1967 (Vắng mặt)

Bà Phạm Thị H - Sinh năm: 1971 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện M, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau:

Ngày 30/8/2017, vợ chồng ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị Hòa có quan hệ tín dụng với Sacombank – Chi nhánh Gia Lai để vay tiền như sau:

1. Hợp đồng tín dụng số LD1724300434 ngày 31/8/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1724300434-01 ngày 22/8/2018, số tiền vay là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân là ngày 24/8/2018, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 24/8/2019, lãi suất vay trong hạn 03 tháng đầu là 10,8%/năm, lãi suất vay trong hạn các tháng còn lại là 10,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn 10,9%/năm là 16,35%. Ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H đã nhận tiền vay vào ngày 24/8/2018 và đã trả 6.764.000 đồng tiền lãi. Ông Kh và bà H đã không thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi và gốc kể từ ngày 20/10/2018 cho đến nay, ngày 24/8/2019 Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy ông Kh và bà H đã vi phạm hợp đồng.

Vì vậy Ngân hàng yêu cầu ông Kh và bà H phải trả số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 44.207.764 đồng, Cụ thể tiền lãi tính như sau:

- Tiền lãi trong hạn với lãi suất 10,8%/năm tính từ ngày 20/10/2018 đến ngày 21/11/2018 là $(400.000.000đ \times 10,8\% \times 33 \text{ ngày})/365 = 3.904.688$ đồng (trừ đi 1.065 đồng khách hàng nộp dư từ các kỳ thanh toán lãi trước đó)
- Tiền lãi trong hạn với lãi suất 10,9%/năm tính từ ngày 22/11/2018 đến ngày 23/8/2019 là $(400.000.000đ \times 10,9\% \times 275 \text{ ngày})/365 = 32.849.318$ đồng.
- Tiền lãi quá hạn từ ngày 24/8/2019 đến ngày 25/9/2019 là $(400.000.000đ \times 16,35\% \times 32 \text{ ngày})/365 = 5.733.699$ đồng.
- Tiền phạt do chậm trả tiền lãi = số dư chậm trả x 10% x số ngày chậm trả = 1.720.059 đồng.

2. Ngày 23/11/2017 ông Đỗ Văn Kh được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng số 1006442 ngày 22/11/2017. Sau khi được cấp thẻ, ông Đỗ Văn Kh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 11.074.578 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông Đỗ Văn Kh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.435.000 đồng. Tính đến ngày 25/9/2019, ông Đỗ Văn Kh còn nợ thẻ tín dụng là 8.493.362 đồng, trong đó nợ gốc là 7.021.708 đồng, lãi trong hạn là 981.167 đồng, lãi quá hạn là 490.487 đồng.

Để đảm bảo các khoản nợ, ông Kh và bà H thế chấp tài sản sau:

- Thửa đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y978291 do Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai cấp ngày 05/12/2003.

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 703/2017/CN-GL ngày 01/9/2017, đã được Phòng đăng ký đất đai tỉnh Gia Lai chi nhánh huyện Mang Yang chứng nhận thế chấp ngày 01/9/2017, hợp đồng thế chấp nêu trên đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Do ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền 452.701.126 đồng, trong đó: tiền nợ gốc theo hợp đồng cho vay là 400.000.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày 25/9/2019 là 44.207.764 đồng; tiền nợ thế tín dụng gốc là 7.021.708 đồng, tiền lãi nợ thế tín dụng là 1.471.654 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 26/9/2019 cho đến khi ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2. Trường hợp ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp của ông bà theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 703/2017/CN-GL ngày 01/9/2017 gồm thửa đất đã được Ủy ban nhân dân huyện Mang Yang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y978291 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Kh nhưng ông đều vắng mặt. Đối với bà Phạm Thị H trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bà thừa nhận có nợ ngân hàng số tiền như ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên do điều kiện kinh tế đang gặp khó khăn, bà H xin được chuyển đổi cây trồng 05 năm sau sẽ trả đủ. Bà đã thông báo về vụ án cho chồng bà là ông Kh biết nhưng ông Kh hiện đang đi làm xa không thể có mặt theo giấy triệu tập của Tòa.

Đại diện nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bà H.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Yang phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ ngày thụ lý cho đến thời điểm xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Đỗ Văn Kh đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Kh là phù hợp. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ vì các bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng, việc tính lãi và lãi quá hạn và thời hạn tính lãi là đúng theo hợp đồng và phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần buộc bị đơn ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Nếu bị đơn không trả được nợ hoặc không trả đủ số nợ trên cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí: Buộc bị đơn ông Kh và bà H phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là Sacombank thông qua chi nhánh tỉnh Gia Lai (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) khởi kiện vợ chồng bà Phạm Thị H, ông Đỗ Văn Kh, địa chỉ tại Thôn Mỹ Yang, xã Đăk Yă, huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng tín dụng. Ông Kh và bà H là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, vì vậy đây là tranh

chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn là ông Đỗ Văn Kh đã được Tòa án tiến hành thủ tục triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Đỗ Văn Kh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về căn cứ khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn cung cấp các chứng cứ là Hợp đồng tín dụng số LD1724300434 ngày 31/8/2017; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số và Hợp đồng tín dụng LD1724300434 – 01 ngày 22/8/2018; Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1006442 ngày 22/11/2017; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 703/2017/CN-GL ngày 01/9/2017. Tòa án đã thực hiện công khai chứng cứ theo quy định, tại phiên họp và tại phiên tòa bị đơn là bà Phạm Thị H thừa nhận các hợp đồng này là có thật, bị đơn ông Đỗ Văn Kh không có ý kiến phản đối. Hình thức và nội dung thỏa thuận của các hợp đồng là phù hợp với quy định của pháp luật nên giao dịch giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Kh bà H là hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi:

[5] Khoản vay thứ nhất theo Hợp đồng tín dụng số LD1724300434 ngày 31/8/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số LD1724300434-01 ngày 22/8/2018: số tiền vay là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, ngày giải ngân là ngày 24/8/2018, ngày hết hạn hợp đồng là ngày 24/8/2019, lãi suất vay trong hạn 03 tháng đầu là 10,8%/năm, lãi suất vay trong hạn các tháng còn lại là 10,9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn 10,9%/năm. Lãi phạt do chậm trả lãi là 10%. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H đã nhận đủ tiền vay 400.000.000 đồng vào ngày 24/8/2018 và chỉ trả được 6.764.000 đồng tiền lãi và chưa trả nợ gốc. Ngày 24/8/2019 (ngày hết hạn hợp đồng) Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn là phù hợp. Vì Hợp đồng đến hạn nhưng ông Kh và bà H không thanh toán cho Ngân hàng số nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 20/10/2018 cho đến nay. Như vậy ông Kh và bà H đã vi phạm hợp đồng, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ gốc và lãi là có căn cứ. Lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 13 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng” và thời gian tính lãi theo đúng thỏa thuận. Tại phiên tòa bà H cũng chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng. Như vậy, đối với Hợp đồng tín dụng LD1724300434 ngày 31/8/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng LD1724300434 – 01 ngày 22/8/2018 Ngân hàng yêu cầu ông Kh và bà H phải trả số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 44.207.764 đồng, tổng cộng là 444.207.764 đồng là có căn cứ nên cần buộc bị đơn ông Kh và bà H phải liên đới trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi là 444.207.764 đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

[6] Khoản vay thứ hai theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng số 1006442 ngày 22/11/2017: Ngày 23/11/2017 ông Đỗ Văn Kh được Ngân hàng cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng thẻ là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân theo hợp đồng số 1006442 ngày 22/11/2017. Sau khi được cấp thẻ, ông Đỗ Văn Kh đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền bao gồm cả phí, lãi phát sinh là 11.074.578 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay, ông Đỗ Văn Kh đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 3.435.000 đồng. Tính đến ngày 25/9/2019, ông Đỗ Văn Kh còn nợ thẻ tín dụng là 8.493.362 đồng, trong đó nợ gốc là 7.021.708 đồng, lãi trong hạn là 981.167 đồng, lãi quá hạn là 490.487 đồng. Tại phiên tòa, bà H thừa nhận vợ chồng còn nợ số tiền gốc và lãi của khoản vay này như nguyên đơn trình bày. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là ông Kh và bà H phải trả cho Ngân hàng khoản nợ gốc và lãi là 8.493.362 đồng (Tám triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

[7] Việc tính lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về việc Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Cụ thể, vì các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nên nếu ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (26/9/2019) cho đến khi thi hành án xong ông Kh và bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[8] Xét yêu cầu xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp giữa các bên đã kí kết: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 703/2017/CN-GL ngày 01/9/2017 giữa ông Kh, bà H và Ngân hàng là hợp pháp, nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự. Bên thế chấp dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho các khoản nợ gốc, lãi và tất cả các nghĩa vụ liên quan khác. Theo quy định tại khoản 1 Điều 299 và khoản 6 Điều 320 của Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp đến hạn thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên thế chấp phải giao tài sản thế chấp để xử lý. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu được xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Cụ thể, bị đơn phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải trả cho Ngân hàng (452.701.126 đồng) là: **22.108.045** đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm lẻ tám nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự,

- Khoản 1 Điều 299, khoản 6 Điều 320, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

- Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Sacombank:

1. Buộc ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H phải liên đới trả cho Sacombank số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2019 (theo Hợp đồng tín dụng LD1724300434 ngày 31/8/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng LD1724300434 – 01 ngày 22/8/2018) là: **444.207.764** đồng (Bốn trăm bốn mươi bốn triệu, hai trăm lẻ bảy nghìn, bảy trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành xong, ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng LD1724300434 ngày 31/8/2017 và Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng LD1724300434 – 01 ngày 22/8/2018.

2. Buộc ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H phải liên đới trả cho Sacombank số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 25/9/2019 là: **8.493.362** đồng (tám triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, ba trăm sáu mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 25/9/2019) cho đến khi thi hành xong, ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1006442 ngày 22/11/2017.

3. Về xử lý tài sản thế chấp: Trong trường hợp ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H không trả được nợ hoặc trả không đủ số tiền nợ nêu trên cho Sacombank, thì Sacombank có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo nội dung các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 703/2017/CN-GL ngày 01/9/2017.

Trong quá trình xử lý tài sản thế chấp nếu có phát sinh tranh chấp thì các bên liên quan có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Buộc ông Đỗ Văn Kh và bà Phạm Thị H phải liên đới chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là **22.108.045** đồng (Hai mươi hai triệu, một trăm lẻ tám nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng).

Trả lại cho Sacombank số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 10.597.000 đồng (*Mười triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000920 ngày 03 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai.

5. Thời hạn kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2019), các đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Mang Yang;
- Các đương sự;
- THADS huyện Mang Yang;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Nam Trung

